CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 95/CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM /2021

(TCCS 95:2021/NVL)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 7, Đường 17A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0251 3836601 Fax: 0251 3836602

E-mail:.....

Mã số doanh nghiệp: 3600235305

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 038/2020/ATTP-CNĐK / Ngày cấp: 12/02/2020/ Nơi cấp: Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm – Sở Y tế tỉnh Đồng Nai.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **BÁNH XỐP PHỦ SÔ CÔ LA TRÀ XANH NESTLÉ KIT KAT NHẬT BẢN**
2. Thành phần: Lớp phủ sô cô la (52,2%) (dầu thực vật, đường, đường *lactose*, *sữa* bột nguyên kem, bơ cacao), bánh quy (12,2%) (bột *mì*, đường, shortening, muối), bột *mì*, dầu thực vật, đường *lactose*, bột trà xanh matcha (2,9%), đường, bột cacao, bột lá trà xanh (0,14%), sữa bột nguyên kem, cacao khối, chiết xuất nấm men, bơ cacao, chất nhũ hóa lecithin, chất tạo xốp (503(i), 500(ii)), hương (vanilin, vani) tổng hợp, chất xử lý bột calci sulfat.

   Sản phẩm có chứa *lúa mì*, *sữa*, *đậu nành* – Product contains *wheat*, *milk*, *soya*.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng.

   NSX: 12 tháng trước hạn sử dụng. Hạn sử dụng: (ngày/tháng/năm).
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

   - Khối lượng tịnh: 11,3 g/thanh; 135,6 g (12 thanh x 11,3 g)/túi giấy.
   - Quy cách đóng gói thùng carton: (12 túi x 135,6 g)/thùng.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong gói màng nhôm phức hợp (bao bì trực tiếp) rồi cho vào gói giấy (bao bì ngoài).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Nestlé Nhật Bản Ltd. – Nhà máy Kasumigaura. Địa chỉ: 1751, Mukaeyama, Jinguji, Inashiki-Shi, Ibaraki, 300-0622, Nhật Bản.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: *Có nhãn đính kèm*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Mục 1.6; 1.8; 2.2).

QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 1.11; 2.23; 3.29; 4.8).

Quyết định 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của Melamine nhiễm chéo trong thực phẩm.

Tiêu chuẩn của nhà sản xuất đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
Tổng số vi sinh vật hiếu khí (Aerobic mesophilic count)	cfu/g	5000
Enterobacteriaceae	cfu/g	10
Salmonella	/g	Không có

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 02 tháng 10 năm 2021

M.S.D.N: 3600235305 - C.T.T.N.H.H - TNHH NESTLÉ VIỆT NAM - TP BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

TRẦN TRUNG KIÊN

Trưởng phòng phát triển kinh doanh số 2

Nội dung ghi nhãn phụ tiếng Việt của sản phẩm

BÁNH XỐP PHỦ SÔ CÔ LA TRÀ XANH NESTLÉ KIT KAT NHẬT BẢN

Thành phần: Lớp phủ sô cô la (52,2%) (dầu thực vật, đường, đường *lactose*, *sữa* bột nguyên kem, bơ cacao), bánh quy (12,2%) (bột *mì*, đường, shortening, muối), bột *mì*, dầu thực vật, đường *lactose*, bột trà xanh matcha (2,9%), đường, bột cacao, bột lá trà xanh (0,14%), sữa bột nguyên kem, cacao khối, chiết xuất nấm men, bơ cacao, chất nhũ hóa lecithin, chất tạo xốp (503(i), 500(ii)), hương (vanilin, vani) tổng hợp, chất xử lý bột calci sulfat.

Sản phẩm có chứa *lúa mì*, *sữa*, *đậu nành* – Product contains *wheat*, *milk*, *soya*.

Khối lượng tịnh: 135,6 g (12 thanh x 11,3 g)

NSX: 12 tháng trước hạn sử dụng. **HSD:** (ngày/tháng/năm)

Hướng dẫn sử dụng: Ăn trực tiếp.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát ở nhiệt độ dưới 28^{0}C, tránh ẩm ướt.

Chú ý: Không sử dụng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

Xuất xứ: Nhật Bản. **Sản xuất bởi** Nestlé Nhật Bản Ltd. – Nhà máy Kasumigaura. Địa chỉ: 1751, Mukaeyama, Jinguji, Inashiki-Shi, Ibaraki, 300-0622, Nhật Bản.

Thương nhân nhập khẩu và tự công bố: Công ty TNHH Nestlé Việt Nam, Số 7, Đường 17A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, p. An Bình, tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tư vấn: 1800 6699 (Miễn phí cuộc gọi) – Email: consumer.services@vn.nestle.com

Tiêu chuẩn sản phẩm số: TCCS 95:2021/NVL.

M.S.D.N: 3600235305 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM
T.P BIÊN HÒA - T.ĐỒNG NAI

ネスレ日本NC：（FSC）21KK外装BP／濃い抹茶12P-500
（FSC）21KK外装BP／濃い抹茶12P
2021／07／06
B2303240-01
校了
新規
500(2×355)mm
A
表
製本
印刷
ハイライト
艾
艶ニス
POS
保護
C100M50 C24M38Y77 C48B100H20 C50Y100K85
K20 K25 K40 K60 K80
特色100～特色100濃
製作会社
材質
凸版印刷(株)
ネスレ 版下コ
TOP-C

100405744

栄養成分表示
【1枚(標準11.3g)当たり】

		摂取目安に対する割合
熱量	64kcal	3%
たんぱく質	0.47g	0.6%
脂質	4.0g	6%
-飽和脂肪酸	2.4g	15%
炭水化物	6.7g	2%
-糖質	6.5g	2%*1
-糖類	4.5g	8%*2
-食物繊維	0.09-0.29g	0.5-2%
食塩相当量	0.01-0.05g	0.1-0.7%

*1 18歳以上の女性の糖質の目安に対する割合。
*2 「日本人の食事摂取基準」(2015)の目標量(総摂取熱量に対する割合)20%を算出。

ポリフェノール(茶カテキン) 30-50mg/1枚(標準11.3g)当たり

NUTRITIONAL COMPASS®

Good Food, Good Life™

Nestlé®

知りたい！聞きたい！
お菓子って1日どれくらいまでがいいの？
おこたえします
お菓子などの嗜好品は1日200*₁のカロリーまでが目安とされています。本品は1枚64*₂のカロリーバランスの良い食生活の中で1日2枚までがおすすめです。

ひとくちメモ
ネスレは、知って立つカロリー情報を提供し、あなたのカロリーコントロールをサポートします。

お客様の声をお聞かせください
ネスレお客様相談室
〒651-0087 神戸市中央区御幸通7-1-15
0120-00-5916 https://nestle.jp/faq/

1日1回 毎日当選のチャンス
http://p.nestle.jp/kit/

Cocoa Plan

●名称：菓子 ●原材料名：チョコレートコーティング(植物油脂、砂糖、乳糖、全粉乳、ココアバター)(国内製造)、ビスケット(小麦粉、砂糖、ショートニング、食塩)、小麦粉、植物油脂、乳糖、抹茶、砂糖、ココアパウダー、緑茶、全粉乳、カカオマス、イースト、ココアバター/乳化剤、膨張剤、香料、藍青、イーストフード、(一部に小麦・乳成分・大豆を含む)
●内容量：12枚 ●賞味期限：枠外右下・上段に記載 ●保存方法：28℃以下の涼しい場所で、多湿を避けて保存してください。
●製造者：ネスレ日本株式会社 神戸市中央区御幸通7-1-15
製造所：ネスレ日本株式会社(霧ケ浦工場)
茨城県稲敷市神宮寺1751

原材料に含まれるアレルゲン(28品目中) 小麦、乳、大豆

●本品は乳、アーモンド、ごまを含む製品と共通の設備を使用しています。
●本品は賞味期限内であっても、開封後なるべくお早めにお召し上がりください。また、開封後は湿気などにより風味が変わることがありますので、お早めにお召し上がりください。

賞味期限

ミックス
FSC® C081641

4 902201 178372

国産紙

MINI 12枚 容量はイメージです

ネトナの甘さ。

濃い抹茶
宇治抹茶

ちょこんと幸せ。
リニューアル！

KitKat

Nestlé KitKat

#キットずっと

2019年9月より、「キットカット」の主力製品である大袋タイプ5品の外袋を、従来のプラスチックから紙パッケージに変更し、海洋プラスチックごみ問題に対する取り組みを推進しています。

そして2020年9月、「キットカット」のほぼ全ての大袋タイプ製品の外袋を紙パッケージにしました。それにより、プラスチック使用時と比較して、2020年末には累積420トンのプラスチックを削減することができました。

ネスレ日本は、2025年までに包装材料を100%リサイクル可能、あるいはリユース可能にすることを目標とし、「キットずっと」続く未来の為に、一歩ずつあゆみを進めていきます。

Have a break, have a KitKat®

CONG TY NESTLE VIET NAM TRUNG KIEN
MST: 3600253305 - C.T.N.H.H
500/2 - Cong phong phat trien kinh doanh so 2

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-01157ATP1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

06/10/2021
Page 01/03

1. Tên mẫu / *Name of sample*: **BÁNH XỐP PHỦ SÔ CÔ LA TRÀ XANH NESTLÉ KIT KAT NHẬT BẢN**

2. Mô tả mẫu / *Sample description*: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong bao bì ép kín có in nhãn hiệu "Nestlé".
As received sample is contained in sealed package with "Nestlé" label.

3. Số lượng mẫu / *Quantity*: 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving*: 22/02/2021

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration*: 23/02/2021 – 01/03/2021

6. Nơi gửi mẫu / *Customer*: **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**
Số 7, Đường 17A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hòa, Đồng Nai

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*: Xem trang / *See page* 02-03/03

P. TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
DEPUTY HEAD OF FOOD TESTING LAB.

Nguyễn Hữu Tín

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP, DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg *Total arsenic content*	TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.2. Hàm lượng cadimi, mg/kg *Cadmium content*	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.3. Hàm lượng chì, mg/kg *Lead content*	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.4. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg *Mercury content*	QTTN/KT3 064 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (971.21))	$1,50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.5. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg *Aflatoxin B1 content*	TCVN 7596 : 2007	0,25	Không phát hiện *Not detected*
7.6. Hàm lượng aflatoxin tổng (B1 + B2 + G1 + G2), µg/kg *Total aflatoxin content*	TCVN 7596 : 2007	0,25	Không phát hiện *Not detected*
7.7. Hàm lượng ochratoxin A, µg/kg *Ochratoxin A content*	QTTN/KT3 223 : 2018 (Ref: AOAC 2016 (2000.03))	0,3	Không phát hiện *Not detected*
7.8. Hàm lượng aflatoxin M1, µg/kg *Aflatoxin M1 content*	QTTN/KT3 242 : 2019	0,02	Không phát hiện *Not detected*
7.9. Hàm lượng melamin, mg/kg *Melamine content*	QTTN/KT3 051: 2018 (Ref: TCVN 9048:2012)	0,1	Không phát hiện *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-01157ATP1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG * TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.10. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g *Total aerobic plate count*	ISO 4833-1:2013	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.11. Enterobacteriaceae, CFU/g	ISO 21528-2 : 2017	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.12. *Salmonella* spp/ 25 g	ISO 6579-1:2017	-	Không phát hiện *Not detected*

Ghi chú/ *Notes*:

(*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.